

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGHĨA HƯNG
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2024/DS - ST
Ngày: 21 - 5 - 2024
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HƯNG TỈNH NAM ĐỊNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Chung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Vũ Mạnh Toàn.

2. Bà Dương Thị Vui.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Vũ Tuấn Tú - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Ông Trần Thế Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2023/TLST - DS ngày 01 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2024/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Ngân hàng T.

Địa chỉ: Số 278 N, phường V, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Ngọc T - Chức vụ: Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Ngọc T là ông Trần Đức T1 - Chức vụ: Nhân viên công ty TNHH MTV quản lý nợ và khai thác tài sản Ngân hàng T ;

+ Bị đơn: Anh Trần Văn T2, sinh năm 1990;

Địa chỉ: Xóm 2, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt anh T1; có mặt anh T2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Theo đơn khởi kiện, bản tự khai phía nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 20/08/2017 anh Trần Văn T2 có ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 70.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 1.92%/ tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh Trần Văn T2 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 815.637.670 đồng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). anh Trần Văn T2 phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng, chi tiết lãi, phí trong sao kê tóm tắt.

Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh Trần Văn T2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 751.730.000 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm). Tổng số tiền trên được thanh toán áp dụng theo điều 20 của bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng cụ thể việc thanh toán sẽ được áp dụng theo thứ tự như sau: Các khoản phí và/ hoặc lãi của kỳ trước, giao dịch rút tiền mặt của kỳ trước, giao dịch mua hàng hóa của kỳ trước, các khoản phí và/ hoặc lãi trong kỳ, giao dịch rút tiền mặt trong kỳ, giao dịch mua hàng hóa trong kỳ

Qua nhiều lần làm việc, nhắc nhở nhưng anh Trần Văn T2 vẫn không có thiện chí trả nợ. Do anh Trần Văn T2 vi phạm nghĩa vụ thanh toán (Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng), ngày 16/01/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển T2 bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển T2 bộ dư nợ tại thời điểm này là 82.318.054 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn (là 150% của lãi suất được công bố và áp dụng tại thời điểm hiện tại).

Tính đến ngày 15/11/2023, anh Trần Văn T2 còn nợ các khoản sau (chi tiết lãi quá hạn, dư nợ trong thống kê tóm tắt đính kèm):

Số tiền lãi quá hạn được tính trên số tiền nợ gốc 82.318.054 đồng với lãi suất quá hạn là 2.9%/ tháng (1.92% x 150%) từ ngày ngân hàng chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển T2 bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn cho đến hiện tại là 1765 ngày. Lãi suất quá hạn được tính như sau:

Lãi suất 1 ngày là: $82.318.054 \text{ đồng} \times (1.92\% \times 150\%) : 30 \text{ ngày} = 78.861 \text{ đồng}$

Lãi quá hạn là: $78.861 \text{ đồng} \times 1765 \text{ ngày} = 139.189.665 \text{ đồng}$

Mặc dù Ngân hàng đã thường xuyên đôn đốc, nhiều lần làm việc trực tiếp với anh Trần Văn T2, yêu cầu có trách nhiệm thanh toán ngay khoản nợ quá hạn, đồng thời Ngân hàng cũng tạo điều kiện về mặt thời gian để trả nợ, tuy nhiên anh Trần Văn T2 vẫn chưa thanh toán khoản nợ vay quá hạn cho Ngân hàng, vi phạm các điều khoản đã quy định tại hợp đồng đã ký.

Do đó, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng, Ngân hàng T yêu cầu buộc anh Trần Văn T2 phải trả ngay cho Ngân hàng tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/5/2024 là 236.333.587; trong đó: Nợ gốc là 82.318.054 đồng; lãi quá hạn là 154.015.533 đồng. Đồng thời yêu cầu anh T2 có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 22/5/2024 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất quy định tại hợp đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà hôm nay anh Trần Văn T2 trình bày: Ngày 20/8/2017 anh có ký với Ngân hàng T hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng và được ngân hàng đồng ý cấp thẻ sử dụng tín dụng với hạn mức sử dụng là 70.000.000 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng anh đã thực hiện các giao dịch và tính đến ngày 23/4/2023 anh còn nợ gốc ngân hàng T số tiền là 82.948.054 đồng còn tiền lãi thì anh không biết. Sau đó ngân hàng đã gửi mail thông báo cho anh và anh cũng đã trả lời do làm ăn thua lỗ nên anh xin trả dần số tiền gốc còn số tiền lãi anh xin nhưng ngân hàng không hồi đáp. Nay Ngân hàng T yêu cầu anh phải thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 21/5/2024 là 236.333.587 đồng trong đó: Nợ gốc là 82.318.054 đồng; lãi quá hạn là 154.015.533 đồng thì anh xác định anh còn nợ ngân hàng T số tiền gốc là 82.318.054 đồng nhưng do làm ăn khó khăn nên anh xin ngân hàng cho trả dần số tiền gốc còn tiền lãi anh xin.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng tham gia phiên toà phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến xét xử tại phiên toà hôm nay Thẩm phán, thư ký thụ lý giải quyết cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 357, 463, 466 Bộ luật dân sự 2015 ; khoản 2 Điều 3 và khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc anh Trần Văn T2 phải thanh toán cho Ngân hàng T tạm tính đến ngày 21/5/2024 là 236.333.587 trong đó: Nợ gốc là 82.318.054 đồng; lãi quá hạn là 154.015.533 đồng và buộc công ty bà tuyên án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng tín dụng. Bị đơn là anh Trần Văn T2 hiện đang cư trú tại xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hưng tỉnh Nam Định giải quyết tranh chấp nêu trên là đúng thẩm quyền.

Tại phiên tòa hôm nay đại diện của Ngân hàng T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đại diện của Ngân hàng T là phù hợp với khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Căn cứ lời khai của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ do Tòa án thu thập đã xác định: Ngày 20/08/2017 anh Trần Văn T2 có ký với Ngân hàng T (gọi tắt là Ngân hàng) Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng - các tài liệu này được gọi chung là Hợp đồng), hạn mức tín dụng là 70.000.000 đồng với mục đích tiêu dùng cá nhân, lãi suất là 1.92%/tháng. Sau khi được cấp Thẻ tín dụng, anh Trần Văn T2 đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 815.637.670 đồng. Trong quá trình sử dụng thẻ, từ ngày kích hoạt thẻ đến nay anh Trần Văn T2 đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 751.730.000 đồng. Như vậy, số tiền nợ gốc anh T2 còn phải thanh toán cho Ngân hàng là 82.318.054 đồng và lãi phát sinh. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc anh T2 phải trả khoản tiền nợ gốc 82.318.054 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[3] Về lãi suất:

Tại nội dung của Hợp đồng tín dụng và Phụ lục Hợp đồng quy định tại Điều 2 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng thì ngày 16/01/2019 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển T2 bộ dư nợ còn thiếu sang nợ quá hạn (Điều 23 của Bản Điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Ngân hàng đã chuyển T2 bộ dư nợ tại thời điểm này là 82.318.054 đồng làm nợ gốc, áp dụng lãi suất nợ quá hạn. Anh T2 phải chịu lãi suất quá hạn trên số nợ gốc quá hạn và lãi chậm trả trên số lãi quá hạn theo Điều 2 của Hợp đồng tín dụng. Nên yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu anh T2 phải trả khoản nợ lãi trong hạn và lãi phạt quá hạn là có căn cứ.

Tính đến ngày 21 tháng 5 năm 2024, anh T2 còn nợ Ngân hàng số tiền nợ gốc 82.318.054 đồng; lãi quá hạn là 154.015.533 đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi anh T2 phải trả cho Ngân hàng là 236.333.587 đồng theo như yêu cầu của đại diện nguyên đơn đưa ra.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 6, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nhưng xét bị đơn có điều kiện kinh tế khó khăn và có đơn xin giảm nộp tiền án phí nên bị đơn được giảm một phần án phí.

[4] Xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nghĩa Hưng là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 357, 663, 466 Bộ luật dân sự 2015 ;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

Căn cứ Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 12, Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T, cụ thể: buộc anh Trần Văn T2 phải hoàn trả số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 21/5/2024 là 236.333.587 đồng cho Ngân hàng T (Trong đó, Nợ gốc: 82.318.054 đồng; Nợ lãi: 154.015.533 đồng).

Anh Trần Văn T2 tiếp tục trả lãi suất theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng đã ký với Ngân hàng Thương mại cổ phần Sài Gòn thương tín cho đến khi trả xong nợ.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn T2 phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 5.908.338 đồng (*Năm triệu chín trăm linh tám nghìn ba trăm ba mươi ba đồng*).

Ngân hàng T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng T 5.131.559 đồng (Năm triệu một trăm ba mươi một nghìn năm trăm năm mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số: 0011708 ngày 05/6/2023 của Chi cục thi hành án dân sự quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh.

Ngân hàng T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trần Văn T2 có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày bản án được cấp, tổng đạt theo quy định tại điều 173 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Trong trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- UBND xã N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Phạm Văn Chung